

Tên: .....

Lớp: S9...

Ngày giao bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày ...../.....



Từ vựng & Ngữ pháp HW: .....

Nghe HW: .....

## GLOBAL ENGLISH 9

### UNIT 7: COMPETITION – VOCABULARY 1 & FCE LISTENING

#### A. THEORY

##### I. UNIT 7 VOCABULARY

###### - Competition & Sporting Events

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>contact sport</b> (n)	môn thể thao đối kháng	5	<b>quarter-final</b> (n)	vòng tứ kết
2	<b>non-contact sport</b> (n)	môn thể thao không đối kháng	6	<b>semi-final</b> (n)	vòng bán kết
3	<b>action-packed game</b> (n)	trận đấu kịch tính, nhiều pha hành động	7	<b>compete for a title</b> (phr.)	thi đấu để giành danh hiệu
4	<b>qualifying round</b> (n)	vòng loại			

###### - Others

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>co-operative</b> (adj)	có tinh thần hợp tác	5	<b>silhouette</b> (n)	hình bóng (đen, không rõ chi tiết)
2	<b>gracefully</b> (adv)	một cách duyên dáng, nhẹ nhàng	6	<b>tripod</b> (n)	chân máy ảnh ba chân
3	<b>pick yourself up</b> (phr.)	tự đứng dậy, vượt qua thất bại / khó khăn	7	<b>self-esteem</b> (n)	lòng tự trọng, sự tự tin vào bản thân
4	<b>out of focus</b> (phr.)	bị mờ nét (ảnh, hình ảnh)			

##### II. CAMBRIDGE VOCABULARY

###### - CLASSWORK

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>sample</b> (n)	mẫu vật	4	<b>clinch it</b> (idiom)	khuyến quyết định được chốt hẳn
2	<b>turn out to be</b> (phr.)	hóa ra là, rốt cuộc là	5	<b>pass something up</b> (phr.)	bỏ lỡ (cơ hội quý)
3	<b>gutted</b> (adj)	vô cùng thất vọng, đau lòng	6	<b>committed</b> (adj)	cam kết mạnh mẽ, tận tâm

###### - HOMEWORK

###### + FCE Part 1

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>stand somebody in good stead</b> (idiom)	giúp ích rất nhiều về sau	4	<b>apparently</b> (adv)	theo như được biết
2	<b>streetwise</b> (adj)	từng trải, sành đời	5	<b>big-budget</b> (adj)	có ngân sách lớn
3	<b>legal consequences</b> (n)	hậu quả pháp lý	6	<b>come into one's own</b> (idiom)	phát huy đúng năng lực

###### + FCE Part 3

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>trawl</b> (v)	lùng sục, tìm kiếm kỹ lưỡng	4	<b>from cover to cover</b> (idiom)	từ đầu đến cuối
2	<b>from all walks of life</b> (idiom)	từ mọi tầng lớp xã hội	5	<b>to be on the safe side</b> (idiom)	để cho chắc chắn
3	<b>track down</b> (phr.v)	lần tìm ra	6	<b>short on funds</b> (idiom)	thiếu tiền

\*Note: *n* = noun: danh từ; *adj* = adjective: tính từ; *adv* = adverb: trạng từ; *v* = verb: động từ;

*phr.* = phrase: cụm từ; *phr.v* = phrasal verb: cụm động từ; *idiom* = thành ngữ.

\*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

### III. METHOD

#### ✅ Step 1: Underline Keywords (Gạch chân từ khóa)

**Mục tiêu:** Giúp não tập trung vào thông tin quan trọng trước khi nghe.

#### 🔍 Ví dụ: to discover new natural resources

**discover:** Trọng tâm là tìm ra cái CHƯA BIẾT

- Khi nghe, chú ý các cách **paraphrase** thường gặp:
  - *find out*
  - *explore*
  - *search for*
  - *identify*
  - *look for signs of*
- ◆ **new:** Nhấn mạnh **chưa từng được phát hiện / chưa được sử dụng**
  - Dấu hiệu có thể xuất hiện trong audio:
    - *something nobody has found before*
    - *unknown*
    - *previously undiscovered*
    - *for the first time*
- ◆ **natural resources:** Phải là **tài nguyên thiên nhiên**, không phải kiến thức hay trải nghiệm cá nhân
  - Paraphrase hay gặp:
    - *water*
    - *minerals*
    - *raw materials*
    - *energy sources*
    - *materials we can use*

#### 🗑️ Step 2: Answer Elimination (Loại trừ đáp án)

**Mục tiêu:** Giúp học sinh **loại nhanh đáp án sai**, tránh bẫy nghe nhầm, **tăng độ chính xác** khi làm bài nghe trắc nghiệm.

#### 🔍 Cách làm cụ thể

✓ Không nghe để tìm đáp án đúng ngay → Nghe để **loại đáp án sai trước**.

✓ So sánh từng đáp án với **nội dung nghe**, không so với câu hỏi.

#### 🧠 Các kiểu đáp án sai thường gặp

##### 1️⃣ Đáp án được nhắc đến nhưng **KHÔNG** phải lựa chọn cuối

- Thường là ý **được nói trước** rồi bị phủ định / thay đổi

🔴 Ví dụ: "I wanted to take the train, **but in the end I drove.**"

❌ Train → loại      ✅ Car → chọn

##### 2️⃣ Đáp án đúng thông tin nhưng sai thời điểm

- Nghe kỹ **thời / mốc thời gian**
- Hay nhầm **now / before / later / tomorrow / in the end**

🔴 Từ khóa cần để ý: *at first, before, in the end, later, changed my mind*

##### 3️⃣ Đáp án dùng từ có sự tương đồng nhưng không trùng ý nghĩa hoàn toàn

🔴 Ví dụ: *cheap ≠ free; late ≠ miss*

##### 4️⃣ Đáp án đúng với người khác, không phải nhân vật chính

- Nghe rõ **ai nói / ai làm**
- Tránh nhầm *he / she / they*

### B. CLASSWORK

#### 1. Pre-listening: Match the words/phrases to make correct collocations.

1. scientific	1-	a. to the limit
2. push themselves	2-	b. my own skills
3. once in	3-	c. a lifetime
4. rely on	4-	d. discovery

## 2. Listening (5 questions):

Con làm bài nghe theo link/code sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/cambridge-english-first-2-1>



### Part 3

You will hear five different people talking about why they have applied to go on a space journey to the planet Mars. For questions **19–23**, choose from the list (**A–H**) each speaker's reason for applying to go on the trip to Mars. Use the letters only once. There are three extra letters which you do not need to use.

**A** to discover new natural resources

**B** to learn new skills

Speaker 1

	<b>19</b>
--	-----------

**C** to take advantage of a rare opportunity

Speaker 2

	<b>20</b>
--	-----------

**D** to be involved in advancing scientific knowledge

Speaker 3

	<b>21</b>
--	-----------

**E** to become a famous personality

Speaker 4

	<b>22</b>
--	-----------

**F** to face an extreme challenge

Speaker 5

	<b>23</b>
--	-----------

**G** to provide others with inspiration

**H** to be among the first to have the experience



## C. HOMEWORK

### VOCABULARY & GRAMMAR (25 questions)

#### I. Choose the correct answers.

0. Football is a sport in which players are allowed to make physical contact with each other. It is therefore classified as a(n) \_\_\_\_\_.

- A. non-contact sport  
☒ C. contact sport  
 B. action-packed game  
 D. qualifying round

- After losing in the \_\_\_\_\_, the team was eliminated before reaching the main tournament.  
 A. qualifying round  
 B. quarter-final  
 C. semi-final  
 D. action-packed game
- The match between the two top teams was fast-paced and dramatic, making it a(n) \_\_\_\_\_ for the fans.  
 A. non-contact sport  
 B. action-packed game  
 C. qualifying round  
 D. silhouette
- The team reached the final after winning the \_\_\_\_\_ with a narrow victory.  
 A. quarter-final  
 B. semi-final  
 C. contact sport  
 D. tripod
- Several teams will \_\_\_\_\_ for the title this season, but only one can become champion.  
 A. pick up  
 B. qualify  
 C. compete  
 D. play
- After falling during the race, she managed to \_\_\_\_\_ and finish strongly.  
 A. compete for a title  
 B. lose her self-esteem  
 C. pick herself up  
 D. fall out of focus
- The photographer used a(n) \_\_\_\_\_ to avoid blurry images when shooting a dark \_\_\_\_\_ at sunset.  
 A. silhouette – tripod  
 B. self-esteem – silhouette  
 C. out of focus – tripod  
 D. tripod – silhouette
- Despite the pressure of the competition, the team worked in a(n) \_\_\_\_\_ way and supported each other throughout the match.  
 A. ruthless  
 B. gracefully  
 C. co-operative  
 D. out of focus

#### II. Listen and fill in the blanks with the words/phrases you can hear.

Con làm bài nghe theo link/code sau:

[https://soundcloud.com/ms-chi-english/s9\\_hw\\_w24](https://soundcloud.com/ms-chi-english/s9_hw_w24)



During a photography project, the students were asked to work in a (0) co-operative group rather than individually. At first, some of them lacked (1) \_\_\_\_\_ and felt nervous about sharing their ideas.

The photographer demonstrated how to move (2) \_\_\_\_\_ when changing positions so as not to disturb the subject. He reminded them that if an image looks (3) \_\_\_\_\_, it does not always mean the photo has failed, especially when it creates a strong artistic effect.

One student tripped while setting up the camera but quickly managed to (4) \_\_\_\_\_ himself up and continue working. Using a (5) \_\_\_\_\_ helped keep the camera steady during low light conditions.

In one powerful image, the subject appeared only as a dark (6) \_\_\_\_\_, which made the emotion even stronger. The instructor (7) \_\_\_\_\_ that moments like this help photographers build confidence and develop professional skills.

Outside the classroom, students are encouraged to reflect on their progress and learn from (8) \_\_\_\_\_, as personal growth often depends on resilience rather than perfection. By the end of the course, many felt more confident both creatively and socially.

### III. For each question, choose the correct answer A, B, C or D.

#### Competition, Sports and Personal Skills

##### A. Daniel

Daniel is a professional athlete who takes part in a contact sport. After winning his qualifying round, he advanced confidently to the quarter-final and then the semi-final. His matches are usually fast-paced and intense, often described as an action-packed game. This season, Daniel hopes to compete for a title at national level.

##### B. Sophie

Sophie prefers a non-contact sport, as she believes skill and balance are more important than physical strength. She moves gracefully during competitions and is known for her calm, co-operative attitude when working with teammates. Even after losing an important match, she managed to pick herself up and continue training with confidence.

##### C. Leo

Leo is an amateur photographer who enjoys capturing dramatic images of athletes. He often uses a tripod to keep his camera steady and focuses on creating strong contrasts, such as a dark silhouette against bright stadium lights. If a photo turns out of focus, he patiently adjusts the settings rather than giving up.

##### D. Maya

Maya is a sports psychology student who studies how confidence affects performance. She believes that strong self-esteem helps athletes stay motivated, especially after failure. Maya often works with young players who struggle mentally after being knocked out in early rounds of competitions.

#### Questions

0. Who takes part in a physically intense sport involving body contact? → A
1. Who prefers a sport without physical contact? → \_\_\_\_\_
2. Who is involved in early and middle stages of a sports tournament? → \_\_\_\_\_
3. Who works with visual equipment to record sporting moments? → \_\_\_\_\_
4. Who focuses on mental strength and confidence in sports? → \_\_\_\_\_
5. Who shows resilience after a setback in competition? → \_\_\_\_\_

### IV. Use the third condition to rewrite these statements.

0. Jane didn't help me, so I didn't respect her a lot.

→ **If Jane had helped me, I would have respected her a lot.**

1. The team lost the match because they didn't prepare carefully.

→ \_\_\_\_\_.

2. He failed the exam because he ignored the teacher's advice.

→ \_\_\_\_\_.

3. The flight was cancelled because the weather conditions were extremely bad.

→ \_\_\_\_\_.

4. She got injured because she didn't warm up properly before training.

→ \_\_\_\_\_.

5. We misunderstood the instructions because we didn't read them carefully.

→ \_\_\_\_\_.



**Lưu ý:**

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới 1 dòng để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

**I. FCE Part 1**

Con làm bài nghe theo link/code sau (từ câu 1-7):

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/cambridge-english-first-2-test>

**Part 1**

You will hear people talking in seven different situations. From questions 1-7, choose the best answer (A, B, or C).

- 
- 1 You hear part of an interview with a crime writer.  
What does he say about his home town?  
 A It was a good background for the writing he does.  
 B He generally feels uncomfortable returning there.  
 C People there tend to treat him differently now.
  - 2 You hear a careers adviser talking to a woman who has applied for two jobs.  
What suggestion does he make?  
 A find out more information about the first job  
 B withdraw the application for the second job  
 C ask the first company to be flexible
  - 3 You hear a girl talking about a psychology textbook.  
What does she say about it?  
 A It is not very interesting.  
 B It is good value for money.  
 C It is going to come in useful.
  - 4 You hear the mother of a famous skier talking about a competition.  
She says that her daughter  
 A expected to win the competition.  
 B didn't tell her mother she was entering it.  
 C gave up her job to practise for it.

- 5** You hear a film director talking about the actors she works with.  
How does she feel about the actors in her current film?
- A** She sympathises with their problems.
  - B** She admires the sacrifices they make.
  - C** She approves of their attitudes.
- 6** You hear a man talking about his first job interview.  
How did he feel during the interview?
- A** confident that he was right for the job
  - B** embarrassed because of the long silences
  - C** relieved he could answer most of the questions
- 7** You hear two friends talking about a popular television programme.  
What is the programme about?
- A** retirement
  - B** cookery
  - C** teaching

Con làm bài nghe theo link/code sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/cambridge-english-first-2-2>



### Part 3

You will hear five short extracts in which people are talking about collecting things as a hobby. For questions **19–23**, choose from the list (**A–H**) why each speaker collects the things. Use the letters only once. There are three extra letters which you do not need to use.

**A** I enjoy the challenge.

**B** It means I spend time with my family.

Speaker 1

	<b>19</b>
--	-----------

**C** It's a way of meeting interesting people.

Speaker 2

	<b>20</b>
--	-----------

**D** I want to help the local community.

Speaker 3

	<b>21</b>
--	-----------

**E** I use my collection to teach other people.

Speaker 4

	<b>22</b>
--	-----------

**F** It's a financial investment.

Speaker 5

	<b>23</b>
--	-----------

**G** It connects me to the past.

**H** I like to have beautiful things around me.